

Bản án số: 111/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/7/2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tô Văn Nhung;
- Ông Phan Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Việt Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 153/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1994; thường trú: Tổ G, ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị L - Luật sư Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Võ Mạnh C, sinh năm 1995; thường trú: Xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ nơi làm việc: Số B khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (Công ty TNHH T1); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị O, sinh năm 1960; thường trú: Xóm H, thôn P, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Võ Mạnh C sau thời gian quen nhau thì đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2014 ngày 09/10/2024.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc sống ngột ngạt, căng thẳng, gây mệt mỏi cho nhau. Bên cạnh đó, anh C thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo, phụ giúp kinh tế trong gia đình đồng thời hiện nay, hai vợ chồng sống ly thân. Nay, chị T thấy vợ chồng không tiếp tục chung sống được nữa nên làm đơn xin ly hôn với anh C

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị T và anh C có 01 con chung tên Võ Phan Yến L1, sinh ngày 01/12/2012. Sau khi ly hôn, chị T giao con chung Võ Phan Yến L1 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và chị T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Võ Mạnh C*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 20/6/2024; tham gia phiên tòa vào ngày 26/7/2024, đến ngày 23/7/2024 anh C có đơn đề nghị Tòa giải xét xử vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu của chị T và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị O trình bày*: Bà O là mẹ ruột của anh Võ Mạnh C, hiện bà đang nuôi dưỡng cháu nội Võ Phan Yến L1, sinh ngày 01/12/2012, việc nuôi dưỡng cháu L1 thì bà có gặp khó khăn về mặt kinh tế, chị T giao con chung Võ Phan Yến L1 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng thì bà đồng ý, bà đề xuất chị T cấp dưỡng nuôi cháu L1 mỗi tháng 1.500.000 đồng.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Lê Thị L tranh luận*:

+ Thứ nhất, về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Võ Mạnh C chung sống với nhau, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, Theo Giấy đăng ký kết hôn số 60/2024 cấp ngày 09/10/2014. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị T có yêu cầu được ly hôn với anh Võ Mạnh C do bất đồng quan điểm, phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống nên không còn phù hợp và hạnh phúc nữa. Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã tới mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần cho chị T ly hôn với anh C.

+ Thứ hai, về con chung: Trong quá trình chung sống chị Phan Thị T và anh Võ Mạnh C có 01 con chung tên Võ Phan Yến L1, sinh ngày 01/12/2012. Sau khi ly hôn, chị T đồng ý giao con chung Võ Phan Yến L1 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và chị T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

+ Thứ ba, về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Phan Thị T với anh Võ Mạnh C do Tòa án tiến hành ngày 03/5/2024, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:* Chị T và anh C trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án chị T không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố hay địa phương phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự:

[1.1] Chị Phan Thị T khởi kiện anh Võ Mạnh C yêu cầu được ly hôn, anh C hiện đang là việc tại Công ty TNHH T1; địa chỉ số B khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Võ Mạnh C tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2014 ngày 09/10/2024, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp.

[2.2] Quá trình tổ tụng chị T xác định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh C thường xuyên ăn nhậu, không chăm lo, phụ giúp kinh tế trong gia đình, hiện vợ chồng sống ly thân. Anh C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, coi như từ bỏ quyền trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh C.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Phan Yên L1, sinh ngày 01/12/2012. Sau khi ly hôn, chị T giao con chung Võ Phan Yên L1 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và chị T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

Xét thấy, cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Cháu L1 đang sống với bà nội, cháu L1 mong muốn được sinh sống cùng với anh C và ông bà nội, để đảm bảo cuộc sống ổn định nên cần giao cháu L1 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phan Thị T về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Võ Phan Yên L1, mỗi tháng 1.000.000 đồng.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị Phan Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị T đối với bị đơn anh Võ Mạnh C về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

- Về hôn nhân: Chị Phan Thị T được ly hôn với anh Võ Mạnh C (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 60/2014 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 09/10/2014).

- Về con chung: Chị Phan Thị T giao cháu Võ Phan Yên L1, sinh ngày 01/12/2012 cho anh Võ Mạnh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Phan Thị T và anh Võ Mạnh C có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của các con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phan Thị T thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi cháu Võ Phan Yên L1, mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chị T đã nộp theo biên lai số 0002849 ngày 23/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Bà Phan Thị T còn phải tiếp tục nộp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

